

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: **41/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-4-2025

v/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Đệ

Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thành Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 409/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐ-XX, ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐ-HPT, ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Ngô Thị Kiều T - sinh năm 2003; Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt

2. Bị đơn: ông Bùi Văn T1 - sinh năm 2003; Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/8/2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn T1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020, nhưng đến ngày 17/4/2023 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C.

Từ khi bà và T1 kết hôn sinh được 02 người con nhưng ông T1 chồng bà khi đi làm không đem tiền về nuôi vợ con, chỉ đi theo bạn bè ngoài đường cờ bạc, hút chích, thường xuyên vắng nhà, 02 đứa con chỉ nhờ mẹ chồng cung cấp một phần và bản thân bà phải đi Thành phố để kiếm việc làm nuôi con. Hiện nay ông T1 đang có người khác sống với nhau như vợ chồng và ông đối xử với bà không ra gì. Vợ chồng bà có cuộc sống hình như ly thân không còn tình cảm với nhau nữa, bất hòa không thể hàn gắn lại được với nhau.

Nay bà làm đơn này yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T1 theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

- Về con chung: có 02 con chung Bùi Nhật Đăng K - Sinh ngày: 27/9/2020 và Bùi Nhật Trăm A- Sinh ngày: 07/3/2022. Hiện cháu Trăm A đang ở với bà, cháu K đang ở với bà nội, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu, bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Bùi Văn T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều T

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Kiều T được ly hôn với ông Bùi Văn T1.

Về con chung: Giao 02 đứa con chung Bùi Nhật Trăm A- Sinh ngày: 07/3/2022 và Bùi Nhật Đăng K - Sinh ngày: 27/9/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Về án phí: Bà Ngô Thị Kiều T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung đối với ông Bùi Văn T1, do đó đây được xác định đây là vụ án: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Bùi Văn T1 có nơi cư trú tại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh thì ông Bùi Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, do ông T1 thường xuyên vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông T1 theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông T1 vẫn không có mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo thủ tục chung.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều T:

Về hôn nhân: Theo lời trình bày của bà Ngô Thị Kiều T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà và ông Bùi Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020, nhưng đến ngày 17/4/2023 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Công nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình sống chung bà T cho rằng do bà và ông T1 thường hay xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hơn nữa do ông T1 không lo cho vợ con, tập tụ bạn bè ngoài đường và còn cờ bạc, hút chích, thường xuyên vắng nhà, hiện ông T1 đang có người khác sống với nhau như vợ chồng nên ông T1 đối xử không tốt với bà. Thời gian qua tình cảm giữa bà và ông T1 không còn, thường xuyên bất hòa không thể hàn gắn lại được với nhau. Vợ chồng bà đã sống ly thân gần 01 năm nay, không còn ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Xét thấy, từ khi bà T và ông T1 ly thân nhau đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc không liên lạc cho nhau, điều này chứng tỏ ông bà không có quan tâm gì

đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông bà, cho nên ông bà đã vi phạm nghĩa vụ chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân nhau một thời gian dài, vì vậy để đảm bảo quyền lợi và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Theo như bà T khai hiện cháu Bùi Nhật Đăng K do mẹ ông T1 (tức bà nội cháu K) đang nuôi dưỡng, còn cháu Bùi Nhật T2 Anh hiện bà đang nuôi dưỡng, tại phiên toà bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Trâm A và cháu K, bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Lý do: Ông T1 không khả năng nuôi dưỡng con, thường xuyên vắng nhà không lo cho con. Xét thấy, vợ chồng ly hôn thì các con chung phải giao được cho một trong hai người mẹ hoặc cha phải là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục, do ông T1 không trực tiếp nuôi con mà giao cho bà nội cháu nuôi và được biết thông tin hiện nay ông T1 bị Công an bắt liên quan đến ma túy, mặc dù hiện cháu K bà nội đang nuôi ổn định nhưng xét tương lai về sau sẽ không đảm bảo cuộc sống cho cháu. Vì vậy, nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không xem xét

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án nên bà Ngô Thị Kiều T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều T

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Kiều T được ly hôn với ông Bùi Văn T1.

Về con chung: Giao 02 đứa con chung Bùi Nhật Trăm A - Sinh ngày: 07/3/2022 và Bùi Nhật Đăng K - Sinh ngày: 27/9/2020 cho bà Ngô Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Bà T không được ngăn cản ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp tại biên lai thu số 0007096 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2025). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- UBND (xã) thị trấn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Lầy